

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 43/2002/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Nghị định 86/CP ngày 8 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ “Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá”;

Căn cứ vào Quy chế lập, xét duyệt và ban hành kèm theo quyết định số 135/1999/QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 10 năm 1999;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành các tiêu chuẩn ngành sau:

1. 10 TCN 527-2002 Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê chè.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

QUY TRÌNH

KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ THU HOẠCH CÀ PHÊ CHÈ

(The technical procedure for planting, maintenance and harvesting of Arabica Coffee)

1. PHẠM VI ÁP DỤNG.

Quy trình kỹ thuật này áp dụng cho các vùng trồng cà phê chè ở các tỉnh phía Bắc từ đèo Hải Vân trở ra. Riêng các tỉnh trồng cà phê chè ở phía Nam đèo Hải Vân, cần có

độ cao 800m trở lên so với mặt nước biển với các giống cà phê chè thuần chủng; độ cao trên 400m với giống Catimor và các giống lai khác, có thời kỳ khô hạn ngắn và nhiệt độ thấp vào sau thời kỳ thu hoạch.

2. TIÊU CHUẨN TRÍCH DẪN

- TCVN 4334-2001 (ISO 3509-1989): Cà phê và các sản phẩm của cà phê, thuật ngữ và định nghĩa.
- 10TCN 84-87 : Quy trình kỹ thuật trồng cà phê.
- 10TCN 97-88 : Cà phê quả tươi.
- 10TCN 98-88 : Quy trình kỹ thuật chế biến cà phê.

3. MỤC TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

Thời kỳ kiến thiết cơ bản : 3 năm (1 năm trồng, 2 năm chăm sóc)

Năng suất bình quân trong suốt thời kỳ kinh doanh.

+Trên đất nâu đỏ bazan và đất đá vôi : 2.0-2.5 tấn nhân/ha

+ Trên các loại đất khác : 1.5-2.0 tấn nhân/ha.

4. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

4.1 trồng mới.

4.1.1 Thời vụ trồng.

Thời vụ trồng cà phê tùy thuộc vào khí hậu thời tiết từng vùng, bắt đầu vào đầu mùa mưa và kết thúc trước mùa khô 2-3 tháng.

- ở các tỉnh Tây Nguyên : Từ 15/5 đến 15/8.
- Các tỉnh Duyên hải Nam trung bộ : Từ 15/8 đến hết tháng 10.
- Các tỉnh phía Bắc từ đèo Hải vân : Từ 15/7 đến hết tháng 9 và có thể trồng vào tháng 3-4 nếu có cây giống.

4.1.2 Đất trồng.

Các loại đất bazan, đất poocphia, đất đá vôi, đất granít, gnei, đất phiến thạch sét, phù sa cổ..., có tầng đất dày trên 70cm, thoát nước tốt, mực nước ngầm nằm sâu cách mặt đất trên 100cm; đất có độ dốc dưới 20°, độ xốp trên 60%, lớp đất mặt 0-30cm, có hàm lượng hữu cơ tối thiểu 2,5%, độ chua pHKCL 4,5-6 đều trồng được cà

phê chè. Trong thực tế thì đất bazan, đất đá vôi và độ dốc dưới 8 0 là thích hợp nhất.

Đất từ các vườn cây bạch đàn, keo tai tượng, vườn cây ăn quả lâu năm hết nhiệm kỳ kinh tế, vườn cà phê già cỗi hoặc bị bệnh thối rễ phải thanh lý thì phải xử lý đất bằng các biện pháp khai hoang, cày bừa, rà rễ, gieo trồng cây phân xanh họ đậu, cây đậu đỗ ăn hạt từ 2-3 vụ vùi thân lá vào đất để cải tạo đất, xử lý vôi, thuốc diệt trừ nấm bệnh kiểm tra tuyến trùng, rệp sáp và các loại nấm bệnh trước lúc trồng cà phê.

Đất đã bị thoái hoá (trồng cây ngắn ngày không có hiệu quả) thì phải bón nhiều phân hữu cơ, hoặc phải cải tạo đất bằng gieo trồng cây họ đậu có bón thêm phân hoá học (20N-30P2O5/ha) thân lá vùi vào đất liên tục trong 2-3 vụ.

4.1.3 Thiết kế vườn cây

- Nếu khu đất có diện tích lớn, địa hình ít phân cắt, cần thiết kế thành từng khoảnh 10-15 ha, chiều dài theo đường đồng mức. Trong khoảnh chia ra thành từng lô khoảng 1ha (50x200m)
- Nếu khu đất hẹp, địa hình phân cách mạnh thì chia lô theo đường phân cách của địa hình
- Xung quanh khoảnh nên có đường vận chuyển rộng 4-5m.
 - Giữa các lô tùy theo địa hình mà có các đường phân lô rộng 2-3 m theo đường đồng mức.

4.1.4 Mật độ, khoảng cách trồng và kích thước hố

Mật độ khoảng cách trồng phụ thuộc vào giống cà phê và độ dốc.

Xem bảng sau:

Giống cà phê	Độ dốc dưới 8 độ		Độ dốc trên 8 độ	
	Khoảng cách (m)	Mật độ (cây/ha)	Khoảng cách (m)	Mật độ (cây/ha)
Catimor và các giống thấp cây khác.	2 x 1,0	5000	2 x 0,8	6250

Các giống cà phê chè cao cây như Typica, Bourbon	2,5 x 1,5	2667	2,5 x 1,0	4000
--	-----------	------	-----------	------

Hàng cà phê phải trồng theo đường đồng mức, kích thước hố tối thiểu là:

- Dài 40cm, rộng 40cm, sâu 50 cm đối với các giống cà phê thấp cây.
- Dài 50cm, rộng 50cm, sâu 60 cm đối với các giống cà phê cao cây.

Trên đất có độ dốc lớn, thì hố trên các hàng đào lệch nhau tạo thành nanh sấu. Khi đào thủ công thì đất đào để phía dưới dốc, lớp đất mặt để riêng một phía, sau này trộn với phân hữu cơ, phân lân để đưa xuống hố trồng.

4.1.5 Tiêu chuẩn cây giống.

- Cây giống ươm bằng hạt, khi đưa ra trồng phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Tuổi cây: 6- 8 tháng
- Số cặp lá thật : 5-7 cặp lá
- Chiều cao cây (kể từ mặt bầu) : 25-30cm
- Thân mọc thẳng đứng
- Màu lá xanh đậm
- Đường kính gốc thân: 2-3mm
- Cây không có dị tật, không bị sâu bệnh
- Kích thước bầu: 12-13 x 20 - 23cm

Cây được đưa ra ánh sáng hoàn toàn 10-15 ngày trước lúc trồng.

4.1.6 Trồng mới

- Trộn đều lớp đất mặt với 5-6kg phân chuồng hoai mục, 0,2-0,3kg phân lân nung chảy rồi lấp đất xuống hố. Công việc này phải hoàn thành trước khi trồng ít nhất 20 ngày.

- Khi trồng phải trộn đất và phân trong hố một lần nữa, sau đó cuốc một hố nhỏ sâu 25-30cm, rộng 15-20cm ở chính giữa hố đã được lấp trước đó. Dùng dao xén túi bầu, cắt rễ cọc bị cong ở đáy bầu, đặt cây vào hố, điều chỉnh cây thẳng đứng và thẳng hàng, mặt bầu đặt sâu cách mặt đất 5-6cm; ở các tỉnh miền nam và Tây

nguyên đặt mặt bầu cách mặt đất 10-15cm(trồng âm). Lấp đất từ từ, vừa lấp vừa dùng tay nén chặt đất vào thành bầu, sau đó dùng chân dẫm nhẹ xung quanh cho chặt, chú ý không được làm vỡ bầu, mỗi hố chỉ trồng một cây.

- Trên đất dốc sau khi trồng xong, tiến hành tạo ổ gà ở quanh gốc , nén chặt thành để tránh đất lấp cây cà phê, ổ gà rộng hơn hố cà phê.

Trồng dặm kịp thời những cây bị chết, cây yếu, trồng dặm vào đầu mùa mưa và chấm dứt trước kết thúc mùa mưa 01 tháng. Khi trồng dặm chỉ cần móc đất và trồng lại trên hố cũ. Cây giống trồng dặm cũng phải chọn cây tốt đủ tiêu chuẩn.

4.1.7 Trồng cây đai rừng, cây che bóng, cây trồng xen.

4.1.7.1 Đai rừng chắn gió.

- Đai rừng chắn gió thẳng góc, hoặc lệch 60° so với hướng gió chính, rộng 6-9m. Khoảng cách đai rừng tùy theo kích thước của khoảnh. Có thể trồng hai hàng cây muồng đen (*Cassia seamia* Lamk) hàng cách hàng 2m, cây cách cây 2m hoặc 3 hàng cây bạch đàn (*Eucalyptus* sp), cây tràm hoa vàng (*Acacia auriculiformis*), cây keo tai tượng (*Acacia mangium*) hàng cách hàng 1m, cây cách cây 1-2 m trồng nanh sấu, ngoài đai rừng chính còn có các đai rừng phụ trồng thẳng góc với đai rừng chính, một hàng cây keo tai tượng, tràm hoa vàng hoặc cây ăn quả.

- Thiết kế đai rừng kết hợp thiết kế lô khoảnh. Nếu có điều kiện thì trồng đai rừng trước lúc trồng cà phê 1-2 tháng. Trên đỉnh đồi nên trồng cây rừng dày đặc để hạn chế xói mòn.

4.1.7.2 Cây che bóng.

- Cây che bóng lâu dài dùng các loại sau đây:

Cây muồng đen: khoảng cách trồng 20 x 20 m/cây.

Cây keo giậu (*Leucaena glauca* Benth), cây muồng lá nhọn (*Cassipourea*) khoảng cách trồng 10 x 10 m/cây.

Các loại cây này được gieo trồng vào bầu và chăm sóc cẩn thận, khi đạt độ cao 30-40cm mới đem ra trồng. Vị trí trồng cây che bóng là ở trên hàng, giữa hai cây cà phê. Cây che bóng được trồng đồng thời với lúc trồng cà phê. Có thể dùng cành bánh tẻ của cây muồng lá nhọn trưởng thành cắm trực tiếp vào đất trong vụ mưa.